

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN DƯƠNG  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 19-8-2021  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Liên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Văn Thi
2. Ông Đỗ Văn Thư

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hằng, Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021 và **Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2021** giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị Ngọc A sinh năm 1997; nơi cư trú: L22-B-210 H, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**- Bị đơn:** Anh Quách Đ sinh năm 1996; nơi cư trú: L22-B-210 H, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong Đơn khởi kiện ngày 14 tháng 4 năm 2021 và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Quách Đ tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 3/2018 nhưng đến ngày 10 tháng 6 năm 2019 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Sau khi cưới chị và anh Đ đi thuê nhà trọ ở một số nơi và đến cuối năm 2019 thì chuyển về khu chung cư H ở, việc chị và anh Đ chung sống và kết

hôn đều do hai bên tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 6/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau, mỗi lần xảy ra mâu thuẫn anh Đ lại đánh đuổi chị ra khỏi nhà. Tháng 7/2020 anh Đ vi phạm pháp luật và bị Tòa án xử phạt 9 tháng tù, đến ngày 01/4/2021 anh Đ chấp hành xong hình phạt tù về nhà. Sau khi anh Đ về nhà, vợ chồng chung sống với nhau được vài ngày thì xảy ra mâu thuẫn và do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị và anh Đ đã sống ly thân không ai còn quan tâm và có trách nhiệm với ai nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được, chị không đồng ý đoàn tụ với anh Đ và chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Quách Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có một con chung là Quách Bảo N sinh ngày 19 tháng 9 năm 2018. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con, tạm thời chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Ngọc A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26 tháng 5 năm 2021 bị đơn anh Quách Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian, điều kiện kết hôn của vợ chồng như lời khai chị Ngọc A đã khai ở trên. Quá trình chung sống, vợ chồng vui vẻ hạnh phúc khoảng một năm trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, xích mích trong cuộc sống hàng ngày. Anh vẫn còn tình cảm với chị Ngọc A và vì con còn nhỏ nên anh không đồng ý ly hôn, anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị Ngọc A có một con chung như lời khai của chị Ngọc A. Do anh không đồng ý ly hôn nên anh không yêu cầu giải quyết con chung.

Về tài sản chung: Anh và chị Ngọc A không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn đã vi phạm quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự khi không tham gia tố tụng tại phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc A về việc ly hôn và nuôi con; Về việc cấp dưỡng nuôi

con và tài sản không xem xét giải quyết; Về án phí: Chị Phạm Thị Ngọc A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

- Về tố tụng:

[1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc A vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Quách Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các đương sự, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, đủ cơ sở xác định: Chị Phạm Thị Ngọc A và anh Quách Đ chung sống như vợ chồng từ tháng 3/2018 và đến ngày 10 tháng 6 năm 2019 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, hiện tại đã sống ly thân không ai quan tâm và có trách nhiệm với ai. Anh Đ không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng lại vắng mặt tại phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Tòa án không hòa giải được và cho đến nay anh Đ cũng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Ngọc A và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Ngọc A là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị Ngọc A và anh Quách Đ có một con chung là Quách Bảo N sinh ngày 19 tháng 9 năm 2018. Chị Ngọc A có quan điểm được nuôi con chung còn anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Xét, việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là quyền và trách nhiệm của cha mẹ sau ly hôn. Hiện con chung Quách Bảo N dưới 36 tháng tuổi nên yêu cầu nuôi con của chị Ngọc A là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị Ngọc A tạm thời không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh Quách Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản: Chị Phạm Thị Ngọc A và anh Quách Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị Ngọc A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Ngọc A được ly hôn anh Quách Đ.

2. Về con chung: Giao con chung Quách Bảo N sinh ngày 19 tháng 9 năm 2018 cho chị Phạm Thị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết.

3. Về tài sản: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Ngọc A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Ngọc A đã nộp theo Biên lai thu tiền **số 0013139** ngày 21 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, T.P Hải Phòng;
- UBND phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, T.P Hải Phòng;
- Tòa án nhân dân T.P Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

**Nguyễn Thị Liên**